TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/HC-PT
Ngày: 21-7-2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự
Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường
Ông Võ Ngọc Thông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Yên – Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 104/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Quang H, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: số H N, thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ; địa chỉ: số D P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Văn H1, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Minh L1 – Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3; địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Phú H4, chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C: Ông Đặng Văn P – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

3. Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Thanh H5 – Phó chủ tịch UBND xã E, huyện C.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn L.

- *Người kháng cáo:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện ông* Lê Quang H *và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Năm 1997, gia đình ông Lê Quang H từ tỉnh Thừa Thiên Huế vào làm kinh tế mới tại thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk). Gia đình ông H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phan T1, bà Nguyễn Thị L2 1.200 m^2 thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 tại thôn D, xã E, huyện C. Trên đất có căn nhà ở bằng gỗ ba gian, mái lợp ngói nhà đã cũ. Tháng 4/1999, gia đình ông H mới thanh toán đủ tiền cho gia đình ông Phan T1. Lô đất có tứ cận như sau: Phía đông tiếp giáp với đất Hồ T; phía tây, tiếp giáp với đường đi vào khu dân cư; phía nam tiếp giáp với đất ông Trần Ngọc T2; phía bắc tiếp giáp với đất ông Trần Thế Đ.

Thời điểm chuyển nhượng đất, gia đình ông T1 bà L2 cũng không biết lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) nên ông T1 có làm giấy sang nhượng cho gia đình ông H và được chính quyền địa phương xác nhận. Nên ông H mới đến UBND xã E để kê khai xin cấp GCNQSDĐ thì mới biết lô đất ông H nhận chuyển nhượng của ông Phan T1 đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1995 cho ông Nguyễn Văn B, theo GCNQSD đất số C 898140 đối với các thửa đất 213, 151, 92 tờ bản đồ số 10, như vậy GCNQSD đất của ông Nguyễn Văn B có 03 thửa đất nêu trên. Theo hồ sơ địa chính tại xã E thì thửa đất số 213 ông Nguyễn Văn B đã chuyển nhượng cho Hồ T3 từ năm 1992 và năm 1993 ông Hồ T3 chuyển nhượng cho Nguyễn L3, năm 1996 ông Nguyễn L3 xây dựng căn nhà gỗ 3 gian, mái lợp ngói, nền láng xi măng. Năm 1997, ông L3 lại chuyển nhượng cho gia đình ông Phan T1, cũng

trong năm 1997 ông Phan T1 chuyển nhượng cho gia đình ông H, nhưng đến tháng 4/1999 gia đình ông H, bà T mới thanh toán đủ tiền cho gia đình ông Phan T1 và làm giấy chuyển nhượng cho gia đình ông H và có xác nhận UBND xã E, gia đình ông H sinh sống ổn định và trồng cây từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

Đến năm 2022, gia đình ông H mới biết được thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp đổi GCNQSD đất số 050054 cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 ngày 29/12/2016. Thực tế gia đình ông H6 và bà H3 chưa bao giờ biết đến thửa đất này nằm ở đâu.

Vì vậy, ông H khởi kiện đề nghị Toà án hủy GCNQSDĐ số CG 050054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 29/12/2016 cho ông Trần H2 và Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200 m^2, toạ lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

** Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông* Nguyễn Văn H1 *trình bày:*

Hộ ông Lâm Thanh H7, được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số W 844656 ngày 20/05/2004, đối thửa đất số 151, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.175 m^2, trong đó có 400 m^2 đất ở và 775 m^2 đất màu và thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200 m^2 đất màu tại xã E. Hồ sơ, tài liệu (bản phô tô) được gửi kèm theo gồm:

- Đơn xin đăng ký biến động đất đai của ông Nguyễn Văn B, được UBND xã E ký ngày 06/05/2004;

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND huyện K xác nhận ngày 20/05/2004;

- Biên bản thẩm tra thực địa, được UBND xã E xác nhận;

- Tờ khai lệ phí trước bạ, được Chi cục thuế huyện K xác nhận ngày 24/05/2004;

Tháng 10/2016, hộ ông Lâm Thanh H7 lập hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 151 và 213 nêu trên cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3, thường trú tại thôn D xã E, huyện C và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C xác nhận việc chuyển nhượng tại GCNQSDĐ số W 844656 ngày 15/12/2016. Hồ sơ, tài liệu (bản phô tô) được gửi kèm theo gồm:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 25/10/2016;

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được UBND xã E chứng thực số 56, quyển số 01/2016-SCT/HĐ,GD ngày 25/10/2016;

- GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 844656.

Ngày 22/12/2016, ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 làm thủ tục hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa đất số 151 và 213 nêu trên và được Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ số CG 050053, CG 050054 ngày 29/12/2016. Hồ sơ, tài liệu (bản phô tô) được gửi kèm theo gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 22/12/2016;

- GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 050053, CG 050054 ngày 29/12/2016.

Cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục chuyển nhượng và cấp đổi:

- Trình tự, thủ tục các hồ sơ chuyển nhượng và cấp đổi quyền sử dụng đất nêu trên được thực hiện theo quy định tại Điều 79 và Điều 76, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

Như vậy, việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ký cấp GCNQSDĐ số CG 050053, CG 050054 ngày 29/12/2016 là đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật trên cơ sở thực hiện các quyền của người sử dụng đất được xác lập trên các văn bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Đối với Giấy chứng nhận số hiệu W 844656 do UBND huyện K cấp ngày 20/05/2004 cho hộ ông Lâm Thanh H7. Sở T đề nghị Tòa án tỉnh căn cứ theo cơ sở pháp lý và tài liệu hồ sơ liên quan để xử lý vụ án theo quy định của pháp luật.

* *Đại diện theo uỷ quyền của* UBND xã E – *ông* Phạm Thanh H5 *trình bày:*

- Về hiện trạng sử dụng đất: Ông Lê Quang H đang sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1200m^2, trên đất đang trồng cà phê và có một căn nhà xây cấp 4 do ông Lê Quang H xây dựng lại từ năm 2019.

- Về nguồn gốc sử dụng: Trước năm 1990, ông Nguyễn Văn B sử dụng thửa đất trên vào mục đích trồng cây hàng năm. Đến năm 1992, ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng thửa đất trên cho Hồ T3 thường trú cùng thôn. Ngày 01/01/1993, ông Hồ T3 chuyển nhượng lại thửa đất trên cho ông Nguyễn L3, thường trú tại thôn D. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên, ông Nguyễn L3 sử dụng đến ngày 25/9/1997 thì chuyển nhượng lại cho ông Phan Thanh thường t cùng thôn với số tiền là 11 chỉ vàng (Lúc này trên thửa đất đã có một căn nhà gỗ lợp ngói do ông L3 xây dựng vào năm 1996). Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên, ông Phan T1 sử dụng ổn định vào mục đích đất ở, đến ngày 25/9/1997 thì chuyển nhượng lại cho ông Lê Quang H (Là chủ sử dụng hiện nay) với số tiền là 2.500.000 đồng. Ông Lê Quang H sử dụng ổn định cho đến nay. Trong suốt quá trình sử dụng thửa đất nêu trên các bên liên quan không có tranh chấp, sử dụng ổn định và có ranh giới rõ ràng.

- Về GCNQSDĐ và các giấy tờ liên quan:

Ngày 02/01/1994, ông Nguyễn Văn B được UBND huyện K cấp giấy CNQSDĐ số C 898140 ngày 02/01/1994 đối với các thửa đất sau:

+ Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.175m^2, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn;

+ Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 mục đích sử dụng là đất màu, diện tích 1.200m^2;

+ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng là đất màu, diện tích 1340m^2.

Trong đó thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 ở tại thời điểm được cấp giấy CNQSDĐ là do ông Nguyễn L3 (nhận chuyển nhượng từ ông Hồ T3) đang sử dụng.

Ngày 20/5/2004, ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng thửa đất số 151 và thửa đất số 213 tờ bản đồ số 10 cho ông Lâm Thanh H7 thường trú cùng thôn. (Lúc này thửa đất số 213 do ông Lê Quang H nhận chuyển nhượng của ông Phan T1 sử dụng vào mục đích đất ở).

Đến năm 2016, ông Lâm Thanh H7 chuyển nhượng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích là 1.200m^2 cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 hiện nay đang ở tại thôn D.

Ngày 29/12/2016 ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy CNQSDĐ số CG 050054, số vào số CS 21647 đối với thửa đất nêu trên.

Như vậy, giấy CNQSDĐ số C 898140 của UBND huyện K cấp ngày 02/01/1994 đối với các thửa đất: Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 mục đích sử dụng là đất màu, diện tích 1.200m^2 là không đúng đối tượng dẫn đến việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai giải quyết thủ tục chuyển nhượng và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy CNQSDĐ số CG050054, số vào số CS 21647 cấp ngày 29/12/2016 đối với thửa đất 213, tờ bản đồ số 10 cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Cụ thể: Thửa đất 213, tờ bản đồ số 10 tại thời cấp giấy trên cho ông Nguyễn Văn B thì do ông Nguyễn L3 (nhận chuyển nhượng từ ông Hồ T3) đang sử dụng và thời điểm cấp giấy CNQSDĐ cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 thì do ông Lê Quang H đang sử dụng. Nay ông Lê Quang H khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSD đất thì UBND xã E nhất trí ý kiến của ông H và yêu cầu Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Vì lý do công tác nên đề nghị Tòa án cho phép tôi được vắng mặt trong các phiên xét xử của tòa án.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông* Trần H2 *và bà* Nguyễn Thị H3 *trình bày:*

Năm 2016, vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Lâm Thanh H7 02 thửa đất gồm các thửa 151 (diện tích 1.175m^2) và thửa đất số 213 (diện tích 1.200m^2) đều thuộc tờ bản đồ số 10 toạ lạc tại thôn D, xã E, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk, với giá nhận chuyển nhượng là 8.000.000đồng, vợ chồng tôi đã thanh toán đủ tiền cho ông H7 và nhận đất sử dụng ổn định cho đến nay, không tranh chấp với ai.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất từ ông H7 thì thửa đất nêu trên đã được cấp GCNQSDĐ số W344656 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Lâm Thanh H7 ngày 20/5/2004.

Sau khi nhận chuyển nhượng đến ngày 15/12/2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C chỉnh lý biến động sang tên cho vợ chồng tôi (T và Nguyễn Thị H3).

Cuối năm 2016, vợ chồng tôi tiến hành thủ tục cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nêu trên. Ngày 29/12/2016, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG050054 đứng tên ông Trần H2, bà Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 213.

Vừa qua tôi mới được biết thửa đất số 213 mà gia đình tôi nhận chuyển nhượng từ ông Lâm Thanh H7 bị cấp nhầm số thửa nên ông Lê Quang H đã khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG050054 của vợ chồng tôi thì quan điểm của tôi như sau: tôi đồng ý huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 050054 đồng thời yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp lại GCNQSDĐ đúng đối tượng, đúng vị trí, số thửa cho gia đình tôi theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1, 2 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 16 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 37, Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 050054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 29/12/2016 cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200m^2, toạ lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 20/4/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 kháng cáo với nội dung: nếu cơ quan nhà nước cấp sai thửa đất (tên gọi) mà bà đang sử dụng thì nhà nước phải cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa đất bà đang sử dụng với tên gọi khác; bà đề nghị Tòa án cấp phúc

thẩm sửa bản án sơ thẩm và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**

Người kháng cáo bà Nguyễn Thị H3 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông Trần Minh L1 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 050054 ngày 29/12/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200m^2, toạ lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là cấp không đúng đối tượng. Việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 được thực hiện theo qui định của Luật Đất đai 2013.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Ông Lê Quang Hảo đang quản lý sử dụng hợp pháp thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 050054 ngày 29/12/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200m^2, toạ lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là cấp không đúng đối tượng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất: trước năm 1990, ông Nguyễn Văn B là người sử dụng thửa đất số 213. Đến năm 1992, ông B chuyển nhượng cho ông Hồ T3. Năm 1993, ông Hồ T3 chuyển nhượng lại thửa đất cho ông Nguyễn L3. Năm 1997, ông Nguyễn L3 chuyển nhượng lại cho ông Phan T1. Cùng năm 1997, ông Phan T1 chuyển nhượng lại cho ông Lê Quang H (là người đang sử dụng đất hiện nay). Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông H sử dụng ổn định cho đến nay và không có tranh chấp với ai.

[2] Ngày 02/01/1994, UBND huyện K cấp Giấy CNQSDĐ số C898140 ngày cho ông Nguyễn Văn B đối với các thửa đất gồm: thửa đất số 151, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.175m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn; thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 mục đích sử dụng là đất màu, diện tích 1.200m^2; thửa đất số 92, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng là đất màu, diện tích 1340m^2. Lúc này, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 do ông Nguyễn L3 đang quản lý sử dụng nên việc UBND huyện K cấp Giấy CNQSDĐ cho ông ông Nguyễn Văn B đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 là không đúng đối tượng.

[3] Ngày 20/5/2004, ông Nguyễn Văn B lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 151 và thửa đất số 213 cho ông Lâm Thanh H7. Ngày 26/5/2004, đã được chỉnh lý biến động thửa đất 151 và thửa đất số 213 cho ông Lâm Thanh H7. Ngày 20/5/2004, ông Lâm Thanh H7 được UBND huyện K cấp GCN QSD

đất số W844656 đối với thửa đất số 151 và thửa đất số 213. Lúc này, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10 do ông Lê Quang H đang quản lý sử dụng.

[4] Năm 2016, ông H7 chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên cho ông Trần H2 và bà Trần Thị H8, ngày 15/12/20216 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C chỉnh lý biến động sang tên cho ông H2, bà H8; ngày 22/12/2016, ông H2, bà H8 làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ trong đó có thửa đất số 213; ngày 29/12/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 050054 cho ông H2 và bà H8 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10.

[5] Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C898140 của UBND huyện K (nay là huyện C) cấp ngày 02/01/1994 cho ông B trong đó có thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200m^2 là không đúng đối tượng dẫn đến việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết thủ tục chuyển nhượng và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG050054 ngày 29/12/2016 đối với thửa đất 213, tờ bản đồ số 10 cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng số thửa.

[6] Mặt khác, ông H2, bà H3 không có tranh chấp với ông H về việc ông H đang sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200m^2 và thừa nhận việc cấp GCNQSDĐ cho ông H2, bà H3 nêu trên là sai số thửa; ông H2, bà H3 cũng đồng ý huỷ GCNQSDĐ số CG050054 ngày 29/12/2016 để cấp lại GCNQSDĐ mới đúng vị trí, số thửa và hiện trạng sử dụng.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc hủy GCNQSDĐ số CG 050054 ngày 29/12/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200m^2, toạ lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 là thiếu sót, chưa đúng qui định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[8] Ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại GCNQSDĐ mới đúng vị trí, đúng số thửa và hiện trạng sử dụng.

[9] Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị H3 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Bà Nguyễn Thị H3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;
Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H3;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H.

1. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 050054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 29/12/2016 cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.200m^2, toạ lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
2. Kiến nghị UBND huyện C, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thực hiện các thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần H2 và bà Nguyễn Thị H3 đúng vị trí, đúng số thửa và hiện trạng sử dụng theo qui định của Luật Đất đai 2013.
3. Án phí sơ thẩm:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ.

1. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H3 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H3 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2022/0001593 ngày 20/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự